

QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG HIỆN NAY

Lưu Tuấn Hiếu

Học viện Chính trị Công an Nhân dân

TÓM TẮT

Lâm nghiệp là ngành kinh tế kỹ thuật đặc thù, bao gồm các hoạt động gắn liền với sản xuất hàng hóa và dịch vụ từ rừng như các hoạt động bảo vệ, gây trồng, khai thác, vận chuyển, sản xuất, chế biến lâm sản và các dịch vụ môi trường có liên quan đến rừng; đồng thời ngành lâm nghiệp có vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, xóa đói, giảm nghèo, đặc biệt cho người dân miền núi, góp phần ổn định xã hội và an ninh quốc phòng. Quản lý và phát triển bền vững kinh tế sinh thái rừng không chỉ bao gồm bền vững về sinh thái rừng và bền vững về phát triển kinh tế lâm nghiệp mà còn bao gồm bền vững về đời sống. Như vậy, quản lý và phát triển lâm nghiệp bền vững trong nền kinh tế thị trường hiện nay là sử dụng có hiệu quả đất đai được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp, đảm bảo tính bền vững; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững rừng tự nhiên và rừng trồng; quản lý bền vững các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ gắn kết chặt chẽ bảo vệ và phát triển rừng; phối hợp với các ngành có liên quan để quản lý, bảo vệ có hiệu quả các loại tài nguyên thiên nhiên gắn liền với diện tích rừng hiện có. Đặc biệt, chúng ta ngày càng nhận rõ có thể dùng cơ chế thị trường làm cơ sở phân bổ các nguồn lực kinh tế trong tất cả các ngành kinh tế nói chung và ngành lâm nghiệp nói riêng, trong đó giá cả là tín hiệu quan trọng nhất để điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa, quan hệ cung cầu trên thị trường. Vì vậy, quản lý và phát triển ngành lâm nghiệp bền vững là vô cùng cấp thiết đối với nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Kinh tế thị trường, lâm nghiệp, quản lý và phát triển bền vững.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thời kỳ trước đổi mới, lâm nghiệp Việt Nam vốn là nền lâm nghiệp sản xuất nhỏ mang tính tự cấp tự túc, sản xuất hàng hóa và cơ chế thị trường không được chúng ta thừa nhận. Ngành lâm nghiệp thực hiện theo kế hoạch, tất cả các nguồn lực được thực hiện phân bổ theo kế hoạch là chủ yếu. Thị trường chỉ được coi như một công cụ thứ yếu bổ sung cho kế hoạch, vì thế không cần thiết sử dụng kinh tế thị trường.

Từ khi có chính sách đổi mới (từ 1986) đến nay, ngành lâm nghiệp đã thực hiện quá trình chuyển biến sản xuất lâm nghiệp từ một nền sản xuất nhỏ sang sản xuất hàng hóa ngày càng có số lượng lớn hơn và chất lượng cao hơn. Như vậy, phải từng bước phát động nông dân và người dân vùng cao chuyển từ cách làm ăn tiểu nông sang sản xuất hàng hóa lâm sản. Do sản xuất lâm sản hàng hóa và tăng thu nhập cho nông dân và người dân vùng cao nên sẽ kéo theo hàng loạt các vấn đề khác như: xây dựng cơ sở hạ tầng, đường giao thông, hệ

thống tưới tiêu, áp dụng cơ khí, điện khí hóa lâm nghiệp, bảo quản, chế biến lâm sản, liên kết kinh tế giữa người dân và các công ty, cơ sở chế biến, mở những ngành nghề phụ ở nông thôn và vùng cao, đào tạo nghề cho người dân ở vùng cao về phát triển lâm nghiệp và phát triển kinh tế trang trại vườn đồi...

Quản lý và phát triển bền vững kinh tế sinh thái rừng không chỉ bao gồm bền vững về sinh thái rừng và bền vững về phát triển kinh tế lâm nghiệp mà còn bao gồm bền vững về đời sống. Những nguyên lý lâm nghiệp bền vững được sử dụng trong quá trình xây dựng và phát triển nghề rừng bền vững bao gồm: (i) Phương thức tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý tài nguyên lâm nghiệp phải phù hợp với các quan hệ trong thiên nhiên; (ii) Trong quá trình quy hoạch phải nghiên cứu kỹ tính đa dạng và tính quần thể của rừng để đề xuất xây dựng các phương án sản xuất để tối ưu hóa sản xuất lâm nghiệp (tối ưu hóa chứ không phải tối đa hóa); (iii) Thực hiện các biện pháp để duy trì năng lực

đất đai nhằm tối ưu hóa sản xuất, thiết kế những kỹ thuật mới, có quy mô nhỏ, trên cơ sở đi sâu tìm hiểu hệ thống sinh vật rừng và tuân theo tiền đề ổn định môi trường sinh thái rừng; (iv) Nâng cao chất lượng sản phẩm, không chế khai thác và nâng cao tỷ lệ lợi dụng gỗ trên cơ sở duy trì và bảo hộ tài nguyên rừng, phát triển trồng rừng thành ngành kinh doanh có lãi, xây dựng hệ thống lợi dụng rừng bền vững; (v) Phát triển công nghiệp chế biến và hệ thống thị trường tiêu thụ lâm sản lưu thông hợp lý giữa các quốc gia, xây dựng hệ thống thương mại lâm sản trong và ngoài nước; (vi) Quan tâm đến vấn đề nông lâm kết hợp và phúc lợi xã hội ở nông thôn miền núi; xây dựng hệ thống giáo dục kỹ thuật lâm nghiệp và sinh thái, tạo ra các môi trường thích hợp ở các thôn/bản miền núi, mở rộng việc phục hồi và xây dựng cảnh quan thôn bản.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (2011) nhấn mạnh "Phát triển lâm nghiệp bền vững. Quy hoạch và có chính sách phát triển phù hợp với các loại rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng với chất lượng được nâng cao. Nhà nước đầu tư và có chính sách đồng bộ để quản lý và phát triển rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, đồng thời bảo đảm cho người nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng có cuộc sống ổn định. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư trồng rừng sản xuất; gắn trồng rừng nguyên liệu với công nghiệp chế biến ngay từ trong quy hoạch và dự án đầu tư; lấy nguồn thu từ rừng để phát triển rừng và làm giàu từ rừng"¹. Do vậy, đẩy nhanh sự phát triển lâm nghiệp hàng hóa trong nền kinh tế thị trường tức là sử dụng, tăng cường có hiệu quả các nguồn lực, tìm kiếm các phương tiện, phương pháp tối ưu nhằm tạo động lực cho sự phát triển đột phá, tăng nhanh khối lượng, tỷ suất và giá trị lâm sản hàng hóa đáp ứng yêu

cầu ngày càng cao của thị trường tạo ra sự tiến bộ vượt bậc về cơ cấu kinh tế và đời sống xã hội nông thôn miền núi, đáp ứng các nhu cầu cấp bách của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài báo sử dụng các phương pháp như: phương pháp phân tích, tổng hợp, logic kết hợp với lịch sử, thống kê so sánh, khái quát hóa... để làm rõ những vấn đề lý luận cần làm rõ trong bài báo.

Thống kê, phân tích, tổng hợp số liệu thứ cấp như sau: Thu thập, phân tích và tổng hợp các tài liệu thống kê, các số liệu thống kê về ngành Lâm nghiệp của Tổng cục Thống kê và Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, một số bảng biểu phân tích có liên quan, các tài liệu có sẵn của Đề án Tái cơ cấu ngành lâm nghiệp Việt Nam để làm cơ sở phân tích thực trạng quản lý và phát triển ngành lâm nghiệp bền vững trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, THẢO LUẬN

3.1. Thực tiễn quản lý và phát triển lâm nghiệp trong nền kinh tế thị trường thời gian vừa qua

Trong giai đoạn vừa qua, ngành lâm nghiệp Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái; thực hiện thành công Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng theo Nghị quyết số 08/1997/QH10 và Nghị quyết số 73/2006/QH11 của Quốc hội, đưa độ che phủ của rừng từ 32% năm 1998 lên 39,7% năm 2011 và đến 31/12/2015 đạt 40,84% trong đó diện tích cây lâm nghiệp đạt độ che phủ là 39,5%, còn diện tích cây lâu năm (cao su, cây đặc sản) trồng trên đất lâm nghiệp chỉ chiếm hơn 1,3%; năng suất và chất lượng rừng được cải thiện đáng kể; kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng đồ gỗ và lâm sản liên tục tăng mạnh góp phần tạo việc làm, thu nhập cho hàng triệu lao động.

Sản xuất ngành lâm nghiệp của nước ta trong những năm qua tăng trưởng nhanh và thích ứng với biến đổi của thị trường thế giới,

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2011. Trang 115.

đời sống của người làm nghề rừng ngày càng được nâng cao. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp tăng nhanh và mang tính ổn định với năm 2011 đạt 3,4%, năm 2013 đạt 6,0%, năm 2015 đạt 7,5% và năm 2017 ước đạt 6,6%. Trong giai đoạn 2010 - 2015, diện tích trồng rừng tăng nhanh, đặc biệt theo báo cáo tại Hội nghị của Tổng cục Lâm nghiệp tổ chức tổng kết công tác chỉ đạo điều hành năm 2017 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2018, kết quả trong năm 2017 trồng rừng tập trung đạt 235.028 ha, công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng tiếp tục đạt được kết quả tích cực, vượt mục tiêu đề ra, cả nước đã phát hiện 16.531 vụ vi phạm giảm 23% so với năm 2016; diện tích rừng bị phá là 1.451 ha, giảm hơn 3.000 ha so với năm 2016; tịch thu 17.179 m³ gỗ các loại giảm 45% so với năm 2016; thu nộp ngân sách 163.541.000 đồng. Sản lượng khai thác gỗ rừng tập trung đạt khoảng 18 triệu m³, vượt 6% so với kế hoạch, tăng 4% so với năm 2016; giá trị xuất khẩu lâm sản năm 2017 là 7,974 tỷ USD, vượt 5% kế hoạch và tăng 9,2% so với năm 2016 với thặng dư thương mại đạt 5,782 tỷ USD. Cùng với đó, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tiếp tục được thực hiện có hiệu quả, tạo được nguồn ngân sách quan trọng để hỗ trợ người dân thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng.

Cơ cấu sử dụng đất lâm nghiệp đã có sự chuyển dịch giữa các thành phần kinh tế theo hướng diện tích đất lâm nghiệp của các tổ chức của nhà nước quản lý giảm dần, đặc biệt là các lâm trường quốc doanh/công ty lâm nghiệp; còn diện tích đất lâm nghiệp của khu vực ngoài nhà nước được giao quản lý tăng lên, đặc biệt là hộ gia đình, cá nhân. Về quy mô sử dụng đất lâm nghiệp có tới 75,28% số doanh nghiệp và 51,52% số hợp tác xã trên toàn quốc sử dụng trên 10 ha, trong khi có tới 48,86% số hộ sử dụng dưới 2 ha đất lâm nghiệp; 21,2% số hộ sử dụng từ 2 đến dưới 5 ha và 15,37% số hộ sử dụng từ 5 ha trở lên. Riêng vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc và Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ có từ 40% đến

66% số hợp tác xã không sử dụng đất lâm nghiệp và hiện không có hợp tác xã lâm nghiệp nào trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. Do các hoạt động rà soát, đổi mới, sắp xếp và phát triển lâm trường quốc doanh, diện tích đất lâm nghiệp do các lâm trường quốc doanh/công ty lâm nghiệp quản lý đã giảm 2.769.174 ha, trong đó chuyển khoảng hơn 1 triệu ha sang các Ban quản lý rừng phòng hộ, còn lại hơn 1 triệu ha đất lâm nghiệp được giao lại cho chính quyền địa phương. Công ty lâm nghiệp và các đơn vị vũ trang là tổ chức kinh tế nhà nước với 144 công ty và các đơn vị lực lượng vũ trang quản lý 1.624.522 ha rừng, chiếm 11,6% diện tích rừng toàn quốc. Tỷ lệ diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng do các công ty lâm nghiệp quản lý hiện nay là tương đương nhau (trên 10%) so với tổng diện tích rừng của cả nước.

Khu vực ngoài nhà nước: năm 2000, được nhà nước giao quản lý 3.485.213 ha đất lâm nghiệp, chiếm 19,9% diện tích đất lâm nghiệp toàn quốc, đến năm 2015 đã quản lý 4.840.355 ha, chiếm 34,44% diện tích đất lâm nghiệp toàn quốc. Diện tích đất giao cho hộ gia đình, cá nhân tăng 68.416 ha, từ 3.077.551 ha năm 2000 lên 3.145.967 ha năm 2015 chiếm 22,8% diện tích đất lâm nghiệp toàn quốc. Ngoài ra trong thời gian từ năm 2000 đến nay diện tích rừng do cộng đồng dân cư thôn/bản quản lý năm 2015 là 1.110.408 ha đã phát huy được hiệu quả nhằm quản lý và phát triển rừng bền vững ở các vùng sâu, vùng xa góp phần giải quyết các vấn đề về kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh. Nét mới trong ngành lâm nghiệp trong giai đoạn này là dựa trên quan điểm chỉ đạo định hướng về chủ trương phát triển lâm nghiệp, sự tác động của các chính sách Nhà nước tới sự chuyển dịch cơ cấu lâm nghiệp, đã thu hút được các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước khá lớn. Cơ cấu các nguồn lực đầu tư tài chính trong lâm nghiệp đã có sự chuyển dịch mạnh theo cơ chế thị trường. Sự dẫn dắt của thị trường trong đầu tư lâm nghiệp thể hiện rất rõ qua số liệu tỷ trọng đầu tư FDI và đầu tư tư nhân vào công nghiệp chế biến gỗ.

Bảng 1. Cơ cấu sử dụng đất lâm nghiệp của các thành phần kinh tế

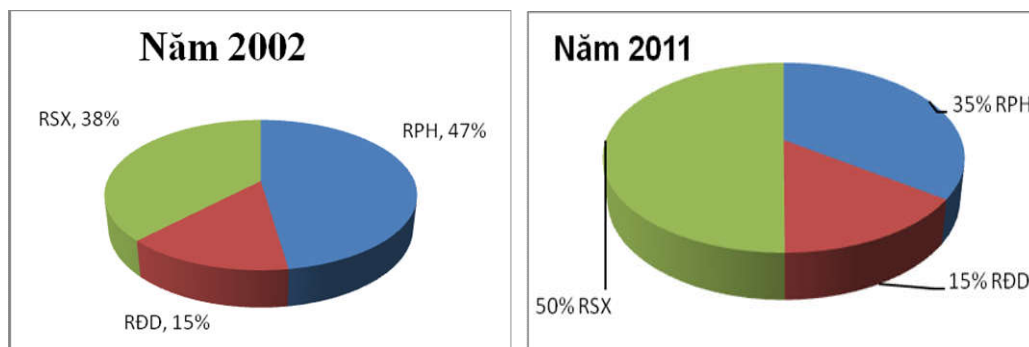
TT	Các thành phần kinh tế/các chủ thể	Diện tích đất lâm nghiệp (ha)		So sánh (%)
		2000	2015	
1	2	3	4	5 = 4/3
I	Tổng số	17.440.905	14.061.856	80,6
	Cơ cấu diện tích đất lâm nghiệp (%)	100,0	100,0	
	Trong đó:			
1	Khu vực nhà nước	13.955.692	9.221.501	66,07
	Cơ cấu diện tích đất lâm nghiệp (%)	80,1	65,56	
1.1	Ban quản lý rừng	2.603.350	4.896.160	188,1
1.2	CTLN/LTQD/LLVT	4.393.696	1.624.522	37,0
1.3	UBND cấp xã	6.958.646	2.700.819	38,8
2	Khu vực ngoài nhà nước	3.485.213	4.840.355	138,9
	Cơ cấu diện tích đất lâm nghiệp (%)	19,9	34,44	
2.1	Hộ gia đình, cá nhân, kể cả trang trại hộ gia đình	3.077.551	3.145.967	102,2
2.2	Cộng đồng dân cư thôn		1.110.408	
2.3	Tổ chức khác (Xí nghiệp liên doanh, xí nghiệp có vốn nước ngoài...)	407.662	583.980	143,2

Nguồn: Bộ TN&MT, TCLN - Bộ NN&PTNT

Thực hiện quan điểm của Đảng về việc quy hoạch lại và đề ra các chính sách thích hợp nhằm phát triển lâm nghiệp bền vững trong nền kinh tế thị trường với việc đã quy hoạch lại và tăng thêm diện tích rừng đưa vào sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và thế giới.

Trong những năm qua ngành Lâm nghiệp đã tiến hành quy hoạch và đề ra chiến lược phát triển lâm nghiệp với tổng diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp đến năm 2010 theo Nghị quyết số 57/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của

Quốc hội là 16,24 triệu ha, trong đó đất rừng sản xuất 7,70 triệu ha, đất rừng phòng hộ 6,56 triệu ha, đất rừng đặc dụng 1,98 triệu ha. Tổng diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp đến năm 2020 là 16,24 triệu ha, trong đó: (i) Theo Chiến lược Phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020 bao gồm 8,4 triệu ha rừng sản xuất (trong đó có 4,15 triệu ha rừng trồng); 5,68 triệu ha rừng phòng hộ và 2,16 triệu ha rừng đặc dụng; (ii) Theo quy hoạch sử dụng đất bao gồm 7,7 triệu ha rừng sản xuất; 6,56 triệu ha rừng phòng hộ và 1,98 triệu ha rừng đặc dụng.



Hình 1. Cơ cấu diện tích 3 loại rừng năm 2002 và 2011

Nguồn: Bộ NN&PTNT năm 2002 và 2011

Tổng diện tích đất có rừng năm 2011 là 13.515.064 ha bao gồm 6,68 triệu ha rừng sản xuất, 4,64 triệu ha rừng phòng hộ và 2,01 triệu ha đất rừng đặc dụng. Tổng diện tích có rừng

đã tăng từ 11,78 triệu ha năm 2002 lên 13,388 triệu ha năm 2010 và 13,515 triệu ha năm 2011. Độ che phủ rừng toàn quốc đã tăng đều từ 35,8% năm 2002 lên 39,5 năm 2010 và

39,7% 2011 với mức tăng bình quân 0,4%/năm, đến 31/12/2015 thì độ che phủ rừng toàn quốc là 40,84% tăng hơn 1,14% so với năm 2011. Cơ cấu diện tích 3 loại rừng thay đổi theo hướng tăng diện tích rừng sản xuất, giảm diện tích rừng phòng hộ và ít thay đổi đối với rừng đặc dụng (Hình 1). Theo Quyết định số: 3158/QĐ-BNN-TCLN về công bố hiện trạng rừng đến 31/12/2015 thì tổng diện tích rừng toàn quốc là 14.061.856 ha trong đó thì diện tích rừng tự nhiên là 10.175.519 ha và rừng trồng là 3.886.337 ha; 3 loại rừng theo quy hoạch là: rừng đặc dụng 2.106.051 ha (16%), rừng phòng hộ (33,7%), rừng sản xuất (50,3%) và ngoài quy hoạch 3 loại rừng là 824.968 ha.

Phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ có sự phát triển nhanh, mạnh trong thời kỳ từ năm 2000 đến nay. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp chế biến tăng liên tục với tốc độ tăng trưởng cao 41,42%/năm trong thời kỳ 2005 - 2010. Xuất khẩu sản phẩm gỗ đóng góp đáng kể vào kim ngạch xuất khẩu của cả nước, năm 2012 đạt trên 4,6 tỷ USD, tăng 2 lần trong 5 năm gần đây, năm 2015 đạt 6,9 tỷ USD, tăng 11,3% so với năm 2014, riêng sản phẩm gỗ đạt 4,8 tỷ USD, tăng 7,8% so với năm 2014; năm 2016 đạt 7,3 tỷ USD tăng 5,8% so với năm 2015; năm 2017 đạt 7,66 tỷ USD tăng 4,9% so với năm 2016. Ngành công nghiệp chế biến gỗ đã trở thành ngành hàng xuất khẩu chủ lực đứng thứ 5 của Việt Nam sau dầu thô, dệt may, giày dép và thủy sản. Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu đồ gỗ đứng đầu Đông Nam Á, giữ vững vị trí trong top 4 trên thế giới về kim ngạch xuất khẩu gỗ². Sức cạnh tranh sản phẩm gỗ Việt Nam trên thị trường quốc tế và khu vực được nâng cao, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu thị trường trong nước được thể hiện qua bảng 2.

Ngành công nghiệp chế biến lâm sản ngày càng thích ứng có hiệu quả với biến đổi thị trường và vận hành theo tín hiệu thị trường, giải quyết hài hòa các rào cản thương mại quốc tế.

Ngành công nghiệp chế biến gỗ đã sử dụng trực tiếp khoảng một nửa triệu lao động và sử dụng hàng triệu m³ gỗ nguyên liệu từ rừng trồng, gián tiếp góp phần giải quyết việc làm và thu nhập cho hàng triệu hộ gia đình nông dân. Thu nhập đời sống của người dân từng bước được tăng lên, có hộ thu nhập từ 150 - 250 triệu đồng/ha rừng trồng sau 6 đến 10 năm, nên có thể làm giàu từ trồng rừng. Số lượng doanh nghiệp chế biến gỗ ở Việt Nam đã có sự tăng trưởng rất nhanh. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2015 là khoảng 3.500 doanh nghiệp, 340 làng nghề gỗ và số lượng lớn các hộ gia đình sản xuất kinh doanh đồ gỗ chưa được thống kê. Cơ cấu số lượng doanh nghiệp chế biến gỗ theo thành phần kinh tế: Các doanh nghiệp chế biến gỗ thuộc sở hữu tư nhân (bao gồm cả FDI) và cá thể (dân doanh) hiện nay chiếm xấp xỉ 87,5% tổng số doanh nghiệp chế biến gỗ, trong khi thuộc sở hữu nhà nước chỉ chiếm 4,27%. Giá trị sản xuất công nghiệp chế biến gỗ năm 2009 của thành phần kinh tế tư nhân, kinh tế cá thể và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 90%, còn lại là của thành phần kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể. Khu vực nhà nước và Hợp tác xã hầu như không có tăng trưởng, các doanh nghiệp FDI và một số ít doanh nghiệp tư nhân trong nước là lực lượng chính tạo ra giá trị kim ngạch xuất khẩu, chỉ với số lượng khoảng hơn 400 doanh nghiệp nhưng các doanh nghiệp FDI đã tạo ra hơn 50% giá trị kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ³.

Do vậy, đẩy nhanh sự phát triển lâm nghiệp hàng hóa trong nền kinh tế thị trường tức là sử dụng, tăng cường có hiệu quả các nguồn lực, tìm kiếm các phương tiện, phương pháp tối ưu nhằm tạo động lực cho sự phát triển đột phá, tăng nhanh khối lượng, tỷ suất và giá trị lâm sản hàng hóa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường tạo ra sự tiến bộ vượt bậc về cơ cấu kinh tế và đời sống xã hội nông thôn, miền núi, đáp ứng các nhu cầu cấp bách của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

² Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công thương, 2015

³ Tổng Cục Thống kê. 2014, 2015

Bảng 2. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ

Năm	Trị giá (triệu USD)	Tăng/giảm (%)
Năm 2006	1.933	
Năm 2007	2.404	24,4
Năm 2008	2.829	17,7
Năm 2009	2.598	-8,2
Năm 2010	3.436	32,3
Năm 2011	3.957	15,2
Năm 2012	4.666	17,9
Năm 2013	5.400	15,7
Năm 2014	6.200	14,8
Năm 2015	6.900	11,3
Năm 2016	7.300	5,8
Năm 2017	7.660	4,9

3.2. Vận dụng quan điểm Đại hội XII về phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN vào quản lý và phát triển lâm nghiệp bền vững trong giai đoạn hiện nay

Đại hội XII (tháng 1 - 2016) của Đảng tiếp tục thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội khẳng định: “Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam có quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước đóng vai trò

Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công thương
 định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các nguồn lực của Nhà nước và công cụ, chính sách để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội”⁴.

Ngày nay, phát triển sản xuất lâm nghiệp trong nền kinh tế thị trường với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, xu thế phát triển ngày càng mạnh của nền kinh tế hàng hóa trong lâm nghiệp diễn ra trong điều kiện cạnh tranh hướng về bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, tăng giá trị lâm sản; các vấn đề về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, cân bằng sinh thái và phát triển bền vững ngày càng được quan tâm trong xu thế phát triển toàn cầu; công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và kinh tế trí thức ngày càng phát triển và được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực sản xuất, kinh tế xã hội.

3.3. Giải pháp để quản lý và phát triển ngành lâm nghiệp bền vững trong nền kinh tế thị trường hiện nay

Để phát triển lâm nghiệp trong nền kinh tế thị trường trong giai đoạn hiện nay cần tập

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng trung ương Đảng, H. 2016, tr. 102, 103.

trung giải quyết những vấn đề cơ bản sau:

Một là, hình thành các điều kiện cho phát triển lâm nghiệp trong kinh tế thị trường.

- *Phân công lao động trong sản xuất lâm nghiệp:*

Sản xuất lâm nghiệp hàng hóa sản phẩm của nó đa dạng bao gồm sản phẩm của các lĩnh vực khai thác lâm nghiệp và chế biến lâm nghiệp. Mỗi lĩnh vực lại chia thành những lĩnh vực nhỏ hơn, chẳng hạn như lĩnh vực trồng rừng, khai thác lâm nghiệp phân thành lĩnh vực trồng rừng; trồng rừng lại chia thành trồng cây gỗ ngắn hạn và lâu năm, cây công nghiệp, cây ăn quả... Đi liền với sự phân công lao động sâu sắc là sự phân ngành càng chi tiết, đa dạng hơn. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin không những đã coi phân công lao động là một trong hai điều kiện ra đời và tồn tại của nền kinh tế hàng hóa nói chung và lâm nghiệp hàng hóa nói riêng, mà còn đặt nó trong mối quan hệ với cách mạng kỹ thuật, với quy mô trao đổi, với quy mô thị trường.

C. Mác và V. I. Lênin đã nói về quan hệ giữa phân công lao động xã hội với khái niệm thị trường nói chung và thị trường nông thôn nói riêng: "Thị trường của những hàng hóa đó phát triển nhờ sự phân công lao động". Phân công lao động xã hội là kết quả của sự phát triển lực lượng sản xuất và của việc ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và thị trường là hệ quả tất yếu của phân công lao động xã hội ngày càng trở nên sâu sắc. Phân công lao động xã hội càng phát triển, tiến bộ khoa học công nghệ càng được ứng dụng rộng rãi vào sản xuất, thì quy mô dung lượng của thị trường theo đó cũng được mở rộng. Do đó, quy mô trao đổi và thị trường sẽ được mở rộng ra. V. I. Lênin viết: "Trong nền kinh tế hàng hóa thị trường chẳng qua chỉ là một sự biểu hiện của phân công lao động xã hội"⁵. Sản xuất hàng hóa phát triển "thị trường mở rộng, sự phân công lao động xã hội lại được một đà thúc đẩy mới làm cho nó phát triển thêm, sâu sắc thêm"⁶.

⁵ V.I. Lê-nin, *Toàn tập*, tập 9, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1963, tr.117.

⁶ V.I. Lê-nin, *Toàn tập*, tập 9, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1963, tr.145.

- *Trình độ kinh tế thị trường:*

Nhu cầu của con người và xã hội về các sản phẩm lâm sản chỉ có thể được đáp ứng đầy đủ khi nền nông nghiệp nói chung hay lâm nghiệp nói riêng được xây dựng và phát triển thông qua cơ chế thị trường, thích nghi với sự biến động của nhu cầu thị trường, gắn với định hướng và thiết chế kinh tế - xã hội phù hợp. Trình độ kinh tế thị trường tùy thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, của các quan hệ kinh tế và thiết chế kinh tế - xã hội, phụ thuộc vào sự nắm bắt và vận dụng nhuần nhuyễn các quy luật kinh tế (như quy luật giá trị, quy luật cung - cầu, quy luật cạnh tranh, quy luật lưu thông tiền tệ...) của các chủ thể kinh tế: nhà nước, các đơn vị kinh tế (doanh nghiệp, hộ gia đình, hợp tác xã), người tiêu dùng, các đối tác kinh tế khác. Ngoài ra, trình độ kinh tế thị trường còn phụ thuộc vào văn hóa, phong tục, trình độ phát triển của dân chủ trong xã hội...

Trong phát triển kinh tế - xã hội, kinh tế hàng hóa nói chung và lâm nghiệp hàng hóa nói riêng ở vùng nông thôn miền núi, tồn tại và phát triển được trên cơ sở nền kinh tế lâm nghiệp nhiều thành phần. Do trình độ phát triển và trình độ xã hội hóa của lực lượng sản xuất không đều nhau, nên quan hệ sản xuất (bao gồm quan hệ sở hữu, quan hệ tổ chức quản lý và quan hệ phân phối) cũng mang tính đa dạng, bên cạnh đó thì thích ứng với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đòi hỏi phải có những quan hệ sản xuất, thành phần kinh tế cũng như hình thức tổ chức kinh tế tương ứng. Mặc dù mỗi thành phần kinh tế có bản chất, lợi ích và đặc trưng riêng. Song chúng không biệt lập với nhau, mà ngược lại có mối quan hệ tác động với nhau, vì chúng cùng tham gia vào hệ thống phân công xã hội, chúng vừa cạnh tranh vừa hợp tác với nhau để cùng tồn tại và phát triển. Đồng thời, là cơ sở để đa dạng hóa các hình thức tổ chức lâm nghiệp hàng hóa và xây dựng cơ cấu sản phẩm, kinh tế lâm nghiệp hàng hóa hợp lý.

Tóm lại, xây dựng và phát triển nền lâm nghiệp sản xuất hàng hóa lớn trong nền kinh tế thị trường đồng nghĩa với sản xuất hàng hóa theo hướng chuyên môn hóa cao trong đó có xây dựng cơ cấu sản phẩm, phân công lao động

trong ngành lâm nghiệp sao cho có hiệu quả và hợp lý nhất nhằm đáp ứng theo yêu cầu của sản xuất để sản xuất ra các sản phẩm phục vụ nhu cầu người tiêu dùng và đặc biệt là phải tôn trọng các quy luật của thị trường. Đây là hướng và là con đường mà tất cả các ngành kinh tế mang tính chất kinh tế đều phải hướng tới trong đó có ngành sản xuất lâm nghiệp.

Hai là, chiến lược, quy hoạch và các chính sách phát triển lâm nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Chiến lược và chính sách là tổng thể các quan điểm, giải pháp và công cụ mà chủ thể sử dụng để tác động vào các đối tượng quản lý nhằm đạt được các mục tiêu định sẵn trong giai đoạn nhất định. Chiến lược và chính sách phát triển sản xuất tác động vào lĩnh vực lâm nghiệp để đạt được mục tiêu phát triển nhất định trong khoảng thời gian cụ thể. Các chính sách và chiến lược cụ thể phát triển sản xuất lâm nghiệp trong nền kinh tế thị trường phải nhằm mục đích thúc đẩy sự phát triển hiệu quả, bền vững và đúng mục tiêu định hướng quy hoạch phát triển lâm nghiệp đồng thời khắc phục mặt hạn chế, phát huy mặt tích cực, kết hợp giải quyết hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của ngành lâm nghiệp.

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, các chính sách, quy hoạch và chiến lược về sản xuất lâm nghiệp hàng hóa cũng như của nước ngoài đều có ảnh hưởng đến hàng lâm sản xuất khẩu. Các chính sách, quy hoạch và chiến lược đúng đắn, phù hợp thì sẽ tạo điều kiện cho sản xuất và xuất khẩu hàng lâm sản phát triển nhanh. Ngược lại, chiến lược, quy hoạch và chính sách không đúng đắn sẽ là một lực cản rất lớn đối với sự phát triển của của sản xuất và xuất khẩu lâm sản. Các chiến lược và chính sách hỗ trợ của nước ngoài về bảo hộ hàng lâm sản của nước họ cũng có tác dụng hạn chế xuất khẩu hàng lâm sản từ bên ngoài. Mặc dù chủ trương tự do hóa thương mại theo tinh thần của WTO, nhưng cho đến nay Hiệp định nông nghiệp vẫn chưa được các nước thực hiện nghiêm túc. Đặc biệt, nhiều nước phát triển như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Canada... vẫn chi những khoản tiền rất lớn để trợ cấp hàng lâm sản xuất khẩu cùng với những quy định

ng nghiêm ngặt về tiêu chuẩn kỹ thuật và các chứng chỉ về rừng đã gây khó khăn cho hàng lâm sản của nước ngoài thâm nhập thị trường các nước này, trong đó có hàng của Việt Nam.

Ba là, phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ công nghệ và mở rộng liên kết kinh tế với các ngành.

Tạo ra được một kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và tổ chức tốt hệ thống dịch vụ hỗ trợ cho lâm nghiệp, miền núi vùng cao là vấn đề có ý nghĩa hàng đầu đối với việc chuyển đổi và phát triển lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Đó cũng là nội dung quan trọng của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội bao gồm hệ thống cơ sở vật chất phục vụ sản xuất và đời sống ở nông thôn và vùng miền núi cao như: điện, nước sạch, các công trình thủy lợi, đường giao thông nông thôn, trường học, các cơ sở y tế... có thể nói gọn trong mấy từ "điện, đường, trường, trạm". Đây là yếu tố và cũng là điều kiện nhằm thu hút các nhà đầu tư vào phát triển sản xuất kinh doanh tại địa phương nó cũng mở ra sự liên kết kinh tế giữa các ngành kinh tế với nhau.

Như vậy, phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao trình độ công nghệ và mở rộng liên kết kinh tế ngành lâm nghiệp với các ngành khác như với ngành công nghiệp chế biến gỗ, công nghiệp khai thác than, ngành tiểu thủ công nghiệp (mây, tre, đan...), ngành du lịch cộng đồng... nhằm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn và toàn bộ nền kinh tế.

Bốn là, đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh lâm nghiệp gắn kết với sản xuất chế biến lâm sản.

Tham gia vào sản xuất kinh doanh lâm nghiệp có nhiều chủ thể khác nhau thuộc các thành phần kinh tế, với các hình thức tổ chức kinh tế đa dạng, như: doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, công ty tư nhân, trang trại và hộ gia đình... Các hình thức tổ chức kinh tế này ra đời và phát triển tùy thuộc vào tính chất của mỗi ngành và do yêu cầu sản xuất. Phát triển lâm nghiệp trong nền kinh tế thị trường thì các hình thức liên doanh liên kết kinh tế trong sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, các doanh nghiệp tổ

chức chế biến liên kết với người dân trực tiếp sản xuất với hình thức bỏ vốn đầu tư ban đầu cho hộ dân để họ chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch và doanh nghiệp tổ chức thu mua sản phẩm để chế biến đây là một quy trình khép kín. Tăng cường khuyến khích loại hình kinh tế trang trại lâm nghiệp ở các vùng cao... Phát triển lâm nghiệp sản xuất hàng hóa nhằm hỗ trợ người dân vùng cao nâng cao đời sống, xoá đói nghèo, giảm khoảng cách chênh lệch giữa thành thị và nông thôn vùng cao.

Trong lâm nghiệp hàng hóa thì hộ gia đình người dân là đơn vị sản xuất cơ bản và là tế bào của xã hội. Hộ dân đóng vai trò quyết định trong việc phát triển sản xuất và mở rộng thị trường. Phát triển hộ dân theo xu hướng sản xuất hàng hóa và ngày càng có nhiều hộ sản xuất kinh doanh giỏi trở thành trang trại là một tất yếu khách quan trong quá trình phát triển lâm nghiệp trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Nhằm là, xây dựng các loại thị trường nhằm phát triển lâm nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Thứ nhất, xây dựng thị trường đầu vào. Thị trường đầu vào bao gồm: cung ứng vốn, lao động, vật tư, kỹ thuật công nghệ, tư liệu sản xuất đều phải là hàng hóa và phải được lưu thông bình thường.

Nhà nước có chính sách, biện pháp sát thực về thị trường đất đai, vốn, lao động, khoa học công nghệ, chính sách ổn định thị trường cung ứng và tiêu dùng để giữ tính ổn định, độ tin cậy, cho nông dân trong mọi biến động. Cần phát triển các tổ chức hợp tác, liên doanh hỗn hợp giữa các doanh nghiệp, công ty, tư nhân trong và ngoài nước. Nhà nước phải nhạy cảm với nhu cầu của nông dân để liên doanh với nước ngoài cung ứng vật tư, nguyên liệu kịp thời cho nhu cầu nông dân trước khi bắt tay vào sản xuất.

- Về thị trường đất đai:

Muốn chuyên môn hóa lâm sản phẩm để có khối lượng sản phẩm lớn, tỷ suất hàng hóa cao thì sản phẩm đó phải được sản xuất trên một diện tích đất đai nhất định. Ruộng đất chưa được giá trị hóa, tức là chưa hạch toán, thị trường ruộng đất chưa được hình thành, người nông dân sẽ có điều kiện kinh tế để sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tiên, quý hiếm này,

thậm chí có thể tách khỏi ruộng đất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tìm kiếm nghề mới, nâng cao thu nhập.

Đất đai được chuyển nhượng dưới hình thức trao đổi các giấy tờ, sổ sách có giá trị, có thời hạn tạo cơ hội tích tụ, tập trung ruộng đất và là nhân tố phát huy sức mạnh của kinh tế tiền tệ để góp phần phá vỡ cấu trúc kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc thúc đẩy hình thành cấu trúc kinh tế hàng hóa phát triển, tạo ra nền lâm nghiệp hàng hóa tăng trưởng cao.

Giao quyền sử dụng đất nông nghiệp lâu dài cho hộ nông dân và thể chế hóa các quyền đó, tức là tạo điều kiện và cơ hội cho các doanh nghiệp lâm nghiệp mở thêm hoạt động kinh tế và đó chính là cách thức xây dựng, mở rộng thị trường ruộng đất trong phát triển sản xuất lâm nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

- Về thị trường lao động:

Cũng như ruộng đất, lao động là một trong hai yếu tố cơ bản, cấu thành quá trình sản xuất và tái sản xuất lâm nghiệp. Việc mở rộng thị trường sức lao động chính là môi trường cởi trói, thoát ly sản xuất lâm nghiệp thuần túy, cùng với thị trường đất đai, tư liệu lao động phát triển tạo nên khối lượng người lao động tập trung vào những tụ điểm sản xuất chuyên môn hóa trong các cơ cấu ngành nghề sản xuất và dịch vụ đa dạng phong phú. Từ đó tạo điều kiện để tập trung sức lao động hợp lý, phù hợp khả năng, trình độ của người lao động trong nền sản xuất xã hội để người lao động lâm nghiệp có điều kiện phát triển chuyên môn hóa của mình. Muốn lâm nghiệp phát triển thì điều kiện tiên quyết là phải có những công nhân tự do, đó là yếu tố liên kết giữa tự do di chuyển ruộng đất với tự do di chuyển sức lao động của người lao động.

Mở rộng thị trường lao động phải tính đến việc đào tạo bồi dưỡng lao động trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nói chung và lâm nghiệp nói riêng. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay phải nâng cao dân trí, chất lượng giáo dục đào tạo là tiền đề để một nền kinh tế có đủ lực tăng trưởng và tăng trưởng bền vững. Đồng thời tạo sức hấp dẫn của một thị trường sức lao động mới trong sự phân công lao động khu

vực và thị trường mở với sự chuyên dịch cơ cấu kinh tế nội bộ đất nước.

- Về thị trường vốn đầu tư và tiết kiệm:

Trong kinh tế thị trường, việc khai thác các nguồn lực tự nhiên, tạo cơ sở vật chất kỹ thuật áp dụng khoa học công nghệ... đòi hỏi phải có vốn và năng lực tiết kiệm. Vốn và tiết kiệm vốn phản ánh năng lực khả thi của hoạt động kinh tế. Vốn và việc sử dụng có hiệu quả nguồn vốn có ảnh hưởng quan trọng, thậm chí theo một ý nghĩa nào đó, có tính quyết định đến việc nâng cao trình độ của sản xuất lâm sản hàng hóa. Tốc độ và quy mô sản xuất lâm sản tùy thuộc vào mức thu nhập và khả năng tích lũy vốn của các đơn vị, các chủ thể sản xuất kinh doanh lâm nghiệp cũng như sự đầu tư hỗ trợ của Nhà nước ở cả hai khía cạnh tỷ trọng vốn đầu tư và chính sách đầu tư. Đầu tư vốn không phải là yếu tố duy nhất nhưng nó góp phần quyết định tạo ra sự đột phá để đẩy nhanh sự phát triển ngành lâm nghiệp. Việc thực hành quốc sách tiết kiệm, chống tham nhũng, bố trí hợp lý hóa sản xuất, chế biến lâm sản nhằm tăng năng suất lao động, khai thác có hiệu quả các nguồn vốn trong và ngoài nước..., nhằm tăng cường đầu tư vốn cho sản xuất lâm nghiệp và phát triển ngành lâm nghiệp.

Thứ hai, xây dựng thị trường đầu ra.

Trong nền kinh tế thị trường thì thị trường đầu ra là thị trường sản phẩm, đưa sản phẩm vào lưu thông, đặc biệt là xuất khẩu, phải được xây dựng, tính toán một cách khoa học, có căn cứ, trong đó cần phải xác định điểm xuất phát là từ nhu cầu thực tế.

Đối với thị trường trong nước, cần chú trọng nâng cao sức mua của mọi tầng lớp dân cư. Chẳng hạn, bằng cách tăng thu nhập của dân cư và giảm giá sản phẩm nông, lâm, thủy sản, khuyến khích dân cư thay đổi cơ cấu tiêu dùng sản phẩm. Nâng mức và trình độ tiêu dùng sản phẩm nông, lâm, thủy sản thông qua phát triển công nghệ chế biến, bảo quản, văn minh thương nghiệp, tạo ra thông tin hấp dẫn... làm cho sản phẩm hàng hóa đến tay người tiêu dùng nhanh, thuận lợi trong mua bán.

Đối với thị trường xuất khẩu: cần duy trì và phát triển quan hệ thương mại với Nga và các nước Đông Âu, một thị trường mà chúng ta đã

có quan hệ lâu dài vừa "dễ tính" trong cơ cấu chủng loại sản phẩm và hàng hóa thuế quan mậu dịch, tham gia tích cực các chương trình hợp tác kinh tế ASEAN, đồng thời tranh thủ tận dụng cơ hội mở cửa thị trường EU, Mỹ, Nhật Bản, Canada. Đặc biệt trong những năm qua nước ta đã tham gia sâu và rộng vào các tổ chức thương mại lớn như tổ chức WTO năm 2007 và mới đây là tổ chức TPP đây là những thị trường rộng lớn với nhiều ưu đãi với sản phẩm hàng hóa của nước ta.

Nhà nước tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, mạnh dạn đầu tư vốn để ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến vào chế biến và lưu thông sản phẩm nông, lâm, thủy sản. Đồng thời, cần có chính sách bảo trợ cho sản phẩm nông, lâm, thủy sản xuất khẩu nhưng phải trong quy định và cam kết mà ta đã ký khi tham gia vào các tổ chức quốc tế, xúc tiến các hoạt động tiếp thị để xác định thị trường, luồng tiêu thụ để có kế hoạch ngay từ khâu sản xuất nhằm đáp ứng đúng tiến độ cung cấp sản phẩm hàng hóa với đối tác nước ngoài.

Lựa chọn linh hoạt, đa dạng hình thức tiêu thụ sản phẩm lâm nghiệp. Việc xây dựng thị trường đầu ra cho lâm sản hàng hóa ổn định là một nhu cầu bức xúc cho sản xuất và phát triển lâm nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Đòi hỏi phải hình thành hệ thống thị trường thống nhất mang tính quốc gia. Các tổ chức kinh doanh sản phẩm lâm nghiệp phải đổi mới và linh hoạt trong phương thức tiêu thụ và thanh toán, tìm thị trường, liên kết với bạn hàng tiêu thụ. Phát triển hệ thống thông tin về thị trường tiêu thụ, tạo điều kiện cho người sản xuất nắm bắt được nhu cầu để phát triển mở rộng đầu tư sản xuất. Các cơ quan tổ chức quản lý kịp thời nắm được diễn biến của thị trường để có phương thức tác động, điều phối hợp lý, kể cả với thị trường đầu vào.

Thị trường đầu vào và thị trường đầu ra là sự thống nhất biện chứng của quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa, vừa là điều kiện, động lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển hài hòa kinh tế xã hội ở nông nghiệp - nông thôn, miền núi nước ta nói riêng và sự ổn định phát triển nền kinh tế quốc dân nói chung, vừa phản ánh mối quan hệ nhân quả trực tiếp giữa sản xuất và tiêu dùng của quá trình tái sản xuất và phát triển lâm nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

IV. KẾT LUẬN

Vậy, quản lý và phát triển lâm nghiệp bền vững trong nền kinh tế thị trường hiện nay là sử dụng có hiệu quả đất đai được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp, đảm bảo tính bền vững; Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững rừng tự nhiên và rừng trồng; Quản lý bền vững các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ gắn kết chặt chẽ bảo vệ và phát triển rừng; Phối hợp với các ngành có liên quan để quản lý, bảo vệ có hiệu quả các loại tài nguyên thiên nhiên gắn liền với diện tích rừng hiện có. Đặc biệt, chúng ta ngày càng nhận rõ có thể dùng cơ chế thị trường làm cơ sở phân bổ các nguồn lực kinh tế trong tất cả các ngành kinh tế nói chung và ngành lâm nghiệp nói riêng, trong đó giá cả là tín hiệu quan trọng nhất để điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa, quan hệ cung cầu trên thị trường. Thực tiễn đổi mới ở nước ta cũng đã chứng minh sự cần thiết và hiệu quả của việc sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), VII (1991), VIII (1996), IX (2001), X (2006), XI (2011), XII (2016)*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. <http://dangcongsan.vn>.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020*. <http://dangcongsan.vn>.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
5. V.I. Lê-nin (1963). *V.I. Lê-nin Toàn tập*, tập 9. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.
6. V.I. Lê-nin (1963). *V.I. Lê-nin Toàn tập*, tập 10. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.
7. Tổng Cục Thống kê.
8. Đề án Tái cơ cấu ngành lâm nghiệp Việt Nam.
9. Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công thương.

SUSTAINABLE FORESTRY MANAGEMENT AND DEVELOPMENT IN THE CURRENT MARKET ECONOMY

Luu Tuan Hieu

Political Academy of People's Public Security

SUMMARY

Forestry is a special economic sector connected with the production of goods and services from forests, including activities of protecting, cultivating and exploiting forest resources as well as activities of harvesting, processing and transporting forest products. Moreover, the forestry sector plays an important role in environmental protection, biodiversity conservation, hunger eradication and poverty reduction, especially in remote and mountainous areas, contributing to social stability and national security. Sustainable forest management and development involves the sustainability of forest from not only ecological and economic but also socio-cultural perspective. Sustainable forestry in the current market economy embraces a wide range of aspects, such as: effectively and sustainably using land planned for forestry development; properly and sustainably exploiting both natural and planted forests; sustainably managing special-use and protection forests, tightly linked with forest protection and development; sustainably managing and effectively protecting natural resources of the existing forest areas. In addition, market economy is considered as an economic system in which resources are allocated effectively in all economic sectors including forestry industry as price signals direct the production of goods and services. Therefore, sustainable forestry is a major goal and an urgent priority in Vietnam development policies in the present period.

Keywords: Forestry, market economy, sustainable management and development.

Ngày nhận bài : 15/02/2018
Ngày phản biện : 23/3/2018
Ngày quyết định đăng : 02/4/2018